Ký bởi: UBND tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:2195 /QĐ-CTUBND	*Điện Biên, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính cho người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2026-2031;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền:

1. Cho người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 50 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước về Nội vụ, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường (*Chi tiết Phụ lục I kèm theo*).

2. Cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện 02 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước về Nông nghiệp và Môi trường (*Chi tiết Phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Thời hạn ủy quyền: 12 tháng kể từ ngày Quyết định ủy quyền có hiệu lực thi hành.

Trường hợp pháp luật có quy định mới làm thay đổi về nội dung, phạm vi, thẩm quyền hoặc trình tự, thủ tục liên quan đến nhiệm vụ được ủy quyền thì thực hiện theo quy định của pháp luật mới và cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về lĩnh vực đó kịp thời tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi hoặc thay thế Quyết định ủy quyền cho phù hợp.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền tại

các Điều 1 Quyết định này; tổ chức giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng thời hạn, không gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân.

2. Việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các bộ: Nội vụ, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường;
- Như Điều 5;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị;
- CV khối nghiên cứu tổng hợp;
- Lưu: VT, PVHCC.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lê Văn Lương

Phụ lục I

ỦY QUYỀN CHO NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NỘI VỤ, TƯ PHÁP, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 2195 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Mã thủ tục hành chính	Nhiệm vụ ủy quyền	Đối tượng nhận ủy quyền	Căn cứ pháp lý
I	**Lĩnh vực Nội vụ: 10 thủ tục hành chính**			
1	1.004964	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia	Giám đốc Sở Nội vụ	Điểm đ khoản 2 Điều 4 Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 17/2014/TTLLT-BLĐTBXH-BTC ngày 01/8/2014 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính
2	1.012943	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội (cấp tỉnh)		Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ
3	1.012942	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội (cấp tỉnh)		Khoản 7 Điều 19, Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ
4	1.012946	Thủ tục hội tự giải thể (cấp tỉnh)		Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ
5	1.012947	Thủ tục cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện (cấp tỉnh)		Điểm c Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ
6	1.014938	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ (cấp tỉnh)		Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 03/2026/NĐ-CP ngày 09/01/2026 của Chính phủ
7	1.014937	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận hội đồng quản lý quỹ; công nhận hội đồng quản lý quỹ khi thay đổi, bổ sung thành viên hoặc hết nhiệm kỳ (cấp tỉnh)		Khoản 1, Khoản 4 Điều 27; Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 03/2026/NĐ-CP ngày 09/01/2026 của Chính phủ

8	1.013937	Thủ tục Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt		Điểm b khoản 4 Điều 39 Luật Lưu trữ năm 2024
9	1.012927	Công nhận ban vận động thành lập hội (cấp tỉnh)	Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	Khoản 3 Điều 5 Chương II Quyết định 34/2026/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND tỉnh Điện Biên; khoản 3 Điều 15 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP của Chính phủ
10	1.012948	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn (cấp tỉnh)		Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ
II	**Lĩnh vực Tư pháp: 28 thủ tục hành chính**			
1	1.003915	Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Giám đốc Sở Tư pháp	Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
2	1.000802	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá		Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
3	2.000822	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài		Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
4	1.008885	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài		Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP Nghị định 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
5	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư		Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
6	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư		Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
7	1.008614	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư		Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ

8	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	Giám đốc Sở Tư pháp	Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
9	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý		
10	1.001928	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài		Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
11	1.013803	Bổ nhiệm công chứng viên		Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
12	1.013805	Miễn nhiệm công chứng viên		Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
13	1.013804	Bổ nhiệm lại công chứng viên		Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
14	1.013806	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài		Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
15	1.008922	Bổ nhiệm Thừa hành viên		Khoản 2 và 3 Điều 8 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ
16	1.008923	Miễn nhiệm Thừa hành viên		Điều 11 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ
17	1.008924	Bổ nhiệm lại Thừa hành viên		Điều 12 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ
18	1.008921	Công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên		Điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ
19	2.000819	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài		Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
20	1.008888	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam		Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ

21	1.008886	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Giám đốc Sở Tư pháp	Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
22	1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam		Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
23	1.008887	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài		Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
24	2.001130	Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên		Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 65/2026/NĐ-CP ngày 28/2/2026 của Chính phủ
25	2.001117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng không thể sử dụng được		Điểm d khoản 3 Điều 9 Nghị định số 65/2026/NĐ-CP ngày 28/2/2026 của Chính phủ
26	1.002681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán		Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 65/2026/NĐ-CP ngày 28/2/2026 của Chính phủ
27	1.014965	Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp thôi hành nghề Quản tài viên		Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 65/2026/NĐ-CP ngày 28/2/2026 của Chính phủ

		theo nguyện vọng cá nhân		
28	1.014966	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề	Giám đốc Sở Tư pháp	Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 65/2026/NĐ-CP ngày 28/2/2026 của Chính phủ
III	**Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ: 3 thủ tục hành chính**			
1	1.014636	Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Khoản I Mục 1 Phụ lục I.3 bàn hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/05/2026 của Chính phủ
2	1.014637	Cho phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài		
3	1.014638	Bổ sung, sửa đổi Giấy phép, cấp lại do mất, thất lạc Giấy phép cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài		
IV	**Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường: 09 thủ tục hành chính**			
1	1.000987	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Điều 15, Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP và khoản 4, Điều 1, Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026 của Chính phủ
2	1.000970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn		Khoản 1 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và khoản 5, Điều 1 Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026 của Chính phủ

3	1.000943	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Điều 18 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 8 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 và khoản 6, Điều 1 Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026 của Chính phủ
4	1.013861	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh		Điều 34 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026 của Chính phủ
5	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		Khoản 3 Điều 34a Mục 6 Chương II Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 10 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ
6	1.012690	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý		Điều 42 nghị định 156/2018/NDD-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 4 Điều 20 Nghị định 42/2026/NDD-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ
7	1.000071	Nộp tiền trồng rừng thay thế		Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
8	1.007916	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh		Điều 75 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; Quyết định số 1637/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026
9	1.000058	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng		Điều 43 Nghị định 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 21 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ

Phụ lục II

ỦY QUYỀN CHO CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 2195 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Mã thủ tục hành chính	Nhiệm vụ ủy quyền	Căn cứ pháp lý
1	1.012832	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ
2	1.012833	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Các khoản 5, 6 Điều 13 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ